

Bản án số: 224/2020/DS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 701/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T; Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường D, phường I, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền số: 1535/2019/UQ-TTT ngày 12 tháng 9 năm 2019)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Tường D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đường E, phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, ông D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08 tháng 3 năm 2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Hữu Tường D (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/1 tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng đến ngày 31/5/2018, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.080.367 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 38.214.200 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi, phí từ các tháng trước chuyển sang là 10.350.639 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính tiền lãi, phí từ ngày 30/6/2018 đến ngày 31/8/2018, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền 11.680.324 đồng (được gọi là dư nợ gốc)

Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 11.680.324 đồng sang nợ quá hạn tính từ ngày 01/9/2018. Lãi suất nợ quá hạn là $2,15\% \times 150\% = 3.225\%/1 \text{ tháng}$, được tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 18/8/2020 là 9.015.208 đồng.

Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông D trả nợ nhưng ông D không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Ông Nguyễn Hữu Tường D trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 18/8/2020 là 20.695.532 đồng, trong đó: Nợ gốc là 11.680.324 đồng và nợ lãi là 9.015.208 đồng ngay khi quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông D còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 18/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Bị đơn – ông Nguyễn Hữu Tường D trình bày:

Ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vào ngày 08/3/2018, nội dung của hợp đồng đúng như Ngân hàng trình bày.

Ông thống nhất với bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng ngày 18/8/2020 và Thông báo giao dịch chi tiết khách hàng Nguyễn Hữu Tường D số thẻ 512341-0658 của Ngân hàng.

Ngân hàng báo nợ cho ông qua điện thoại vào tháng 5/2019 là 14.342.196 đồng. Ông liên hệ với nhân viên chăm sóc khách hàng của Ngân hàng, ông nói ông chỉ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc bằng đúng hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng và thêm 1-2 tháng tiền lãi nhưng không quá 11.000.000 đồng nhưng nhân viên Ngân hàng không giải thích cho ông về cách Ngân hàng tính nợ gốc và nợ lãi mà chỉ cung cấp cho ông bản sao kê, yêu cầu ông xem bản sao kê.

Tại phiên tòa, ông thống nhất với bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng ngày 18/8/2020. Ông đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, cụ thể: Ông trả nợ gốc là 11.680.324 đồng và nợ lãi tính đến ngày 20/8/2020 là 4.444.824 đồng, tổng cộng là 16.125.148 đồng vào ngày 25/8/2020.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông D cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét, Ngân hàng và ông D có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/3/2018. Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán nợ gốc là 11.680.324 đồng, ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, ông D không trả nợ gốc, nợ lãi, phí cho Ngân hàng từ ngày 30/8/2018 nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 11.680.324 đồng sang nợ quá hạn, tính tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 3.225%/tháng từ ngày 01/9/2018 cho đến khi ông D thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp với Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử có cơ sở buộc ông D thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày ngày 01/9/2018 đến ngày 18/8/2020 là 9.015.208

đồng và ông D tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 19/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Xét, ông D yêu cầu Ngân hàng giảm tiền lãi cho ông nhưng Ngân hàng không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải tiền lãi cho ông D..

- Xét, ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông D trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Hữu Tường D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 20.695.532 (hai mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 11.680.324 (mười một triệu sáu trăm tám mươi ngàn ba trăm hai mươi bốn) đồng và nợ lãi tính đến ngày 18/8/2020 là 9.015.208 (Chín triệu không trăm mười lăm ngàn hai trăm lẻ tám) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2020, ông D tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 403.128 (bốn trăm lẻ ba ngàn một trăm hai mươi tám) đồng theo Biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0025323 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Nguyễn Hữu Tường D phải nộp số tiền án phí là 1.034.776 (Một triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

